

Chùa Trà Am

Hồ Đắc Duy

Mùa hè cách đây 46 năm khi tôi vừa học xong lớp nhất trường tiểu học An Cựu lúc đó chúng tôi chỉ mới 12 tuổi, tôi, Lê Ngọc Dinh và Vũ ba đưa rủ nhau đi chơi chùa Trà Am, chỉ nghe tiếng chứ chưa biết đường nhưng ba đưa nhỏ chúng tôi vẫn quyết định khởi hành, từ sáng tinh mơ mẹ tôi đã làm sẵn cho một vắt cơm bới và một chai nước cho thêm ba đồng bạc cây dừa chúng tôi qua đò ở cổng Phát Lát, đi ra ngã lằng Vạn Vạn gần nhà cụ Phạm Quỳnh, lên Trường Bĩa rồi đến ngã ba Ngự Bình, từ đó chúng tôi hỏi đường để vào chùa Trà Am, con đường đất nhỏ ngoằn ngoèo chạy theo chân núi Ngự Bình, hai bên đường toàn là cây bứa, cả một rừng bứa rợp bóng cây với các trái bứa trĩu vàng với những tàng lá che kín ánh sáng mặt trời làm mát rượi con đường đi, lên Trà Am thì tha hồ mà ăn bứa, trái bứa chua ngọt và chất mũ dính miệng nhưng đứa nào cũng muốn ăn, đó là kỷ niệm đầu tiên trong đời tôi về chùa Trà Am, về sau này tôi mới biết chùa Trà Am nằm gọn ở giữa ba hòn núi nổi tiếng ở Huế là Núi Ngự Bình, núi Thiên Thai và núi Ngũ Phong, thuộc thôn Tứ Tây, An Cựu huyện Hương Thủy.

Đi từ Huế lên Trà Am non 10 cây số, con đường vòng vèo qua chân núi Ngự Bình, vừa qua một con suối nhỏ là đã tới Trà Am. Chung quanh Trà Am còn có nhiều ngôi chùa cổ như Viên Thông, Tây Thiên, Trúc Lâm. Hồng Ân... Muốn đến Viên Thông thì đi chừng cây số rưỡi, muốn qua Hồng Ân, Trúc Lâm thì đi vòng qua chân núi Ngự Bình ra Nam Giao qua Tây Thiên hay đi xuống Cầu Lim mới vào được Trúc Lâm, nhưng đi đường tắt thì nhanh hơn chỉ đi vòng qua mấy quả đồi, mấy quả núi đá nhỏ dưới dãy núi Thiên Thai là có thể tới Hồng Ân rồi lội qua một con suối nhỏ vòng qua một giếng đá, nước trong veo ngọt lịm mát rượi là đến địa phận chùa Trúc Lâm.

Trà Am hay là Tra Am?

Cách đây 80 năm khi lập chùa, tổ khai sơn lấy biệt hiệu của mình đặt tên cho chùa là Tra Am, Tra Am là do điển tích của Trung Hoa, theo Nam Sử, Trương Phu thuở nhỏ tên là Tra, cha ông là Trương Thiệu tên tục là Lê. Vua Tống Văn Đế thường gọi đùa rằng: "*Tra sao bằng Lê được!*" Trương phu cười mà tâu rằng: "*Lê là cây trăm quả, Tra đâu dám sánh bằng!*" Đời sau dùng điển tích này chỉ người sau không bằng người xưa, ngụ ý khiêm nhường. Tổ khai sơn lấy biệt hiệu Tra Am này tự cho mình không bằng được sư phụ. Trong di chúc để lại vị tổ khai sơn này nói câu "*Tự hận Tra bất như Lê dã*" để tỏ lòng tôn kính sư phụ mình.

Người dân Huế đọc không quen được chữ Tra Am họ đọc trại ra thành chữ Trà Am lâu ngày người ta quen gọi tên chùa là Trà Am mà quên mất nó là Tra Am với cái điển tích cái ý nghĩa mà vị tổ khai sơn đã đặt cho nó.



Chùa Trà Am khởi công xây dựng vào năm 1923, chủ nhân cùng mấy đệ tử là Trí Uyên, Trí Hiền, Trí Giải và vài ba người giúp việc xắn tay đốn cây, chặt lá, cuốc đất làm nền dựng chùa, giữa một mảnh đất còn hoang sơ chưa vết chân người lui tới, lúc đầu chỉ là một mái am tranh sơ sài, phên tre được trét bằng đất sét vàng, gian trước để thờ Phật, bên tả là nhà trai và bếp, bên hữu làm phòng khách phía sau là thư phòng và chỗ nghỉ ngơi của chủ nhân.



Cảnh trí chung quanh chùa là một bài thơ, một tác phẩm nghệ thuật hiếm có, tất cả cây cỏ, khe suối, núi đồi, đá tảng được sắp xếp tạo dáng để khi ai đó bước chân đến ngôi chùa này cũng cảm thấy phảng phất chung quanh một sự nhẹ nhàng bay bổng, để tâm hồn mình trở nên thanh thản, siêu thoát trước cảnh sắc phong quang thoát tục, ở đó con người dễ hòa mình trong sự trầm mặc của triết lý Phật Giáo. Cái khung cảnh tuyệt vời đó cũng nói lên cái sâu sắc, cái ý nghĩa của con đường đã chọn và cái ngộ của chủ nhân ngôi chùa

Để đi vào chùa Trà Am phải đi ngang qua một cái cầu làm bằng thân một cây thông to, có tay vịn chiếc cầu này vắt ngang một giòng khe nhỏ mang tên là Tẩy Bát Lưu, Tẩy Bát Lưu có nghĩa là là giòng khe để rửa bình bát. Và chiếc cầu mang tên một chữ trong câu cổ thi "*Lược ước hoành thu thủy*" hay một câu thơ của Lục Du "*tiên tiên nhất cử thủy, vãng lai nhất lược ước*" (bên bờ nước chảy trong veo, qua về trên chiếc cầu treo hững hờ) chiếc cầu chỉ dùng cho người đi qua, xe ngựa không qua được. Lược Ước Kiều là tên của chiếc cầu nói lên cái phương tiện đi đến với đạo, cái thâm ý của chủ nhân ngôi chùa là "*Ta chỉ đưa người chứ không đưa xe ngựa*" hãy vứt bỏ cái ngã tướng, cái chấp nê khi bước chân vào chốn thiền môn này.

Vị chủ nhân chùa Trà Am là ai?

Đó là công tử Công Tôn Hoài Trấp là cháu nội của Định Viễn Quận Vương con vua Gia Long, công tử sinh năm 1879, xuất gia năm 1895 lúc vừa tròn 17 tuổi, thọ giáo với Viên Giác Đại Sư tại chùa Ba La Mật, đạo hiệu là Viên Thành, pháp húy Trưng Thông, để chấp nhận công tử xuất gia làm đệ tử Viên Giác Đại Sư đã bảo: "*...thử nghĩ vài câu, nếu có cơ duyên, tôi sẽ giúp mẹ xuất gia*" sau khi lạ Phật công tử Hoài Trấp viết hai câu trình Viên Giác Đại sư như sau:

*Nếp bóng rèm thưa trông bóng cỏ
Thấy trăng tròn, tay vỗ ca xang*

Sư Viên Thành đậu thủ khoa Sa Di năm 1901 tại Phú Yên, trú trì chùa Ba La Mật từ năm 1901 cho đến năm 1923 và cũng trong năm này sư Viên Thành đã dựng lên chùa Trà Am, 5 năm sau sư viên tịch ở Trà Am lúc

đó vừa 49 tuổi. Trước khi trở về với cát bụi sư để lại mấy câu thơ

*Lão khứ, vân hà nhất tháp tân
Tha niên bì đãi tự tương thân
Nhàn lai ý trạng kê biên lập
Hà xứ thanh sơn bất đãi nhân*

(Già rồi xây tháp giữa non mây,
Gửi gắm mai sau nắm xác gầy.
Chống gậy, lúc nhàn, bên suối đứng.
Núi xanh nào chẳng đón người đây)

Sư Viên Thành một người uyên bác về giáo lý đạo Phật, dưới sự dẫn dắt của sư Viên Thành chùa Trà Am đã trở nên một Giảng Đường có uy tín, học tăng từ nhiều nơi gởi đến xin thọ giáo, các khóa học thường được tổ

chức vào mùa xuân hay mùa hạ, sư Viên Thành còn tổ chức nhiều pháp vụ giảng giải Phật pháp cho các tín đồ, kiến giải vài chỗ sai lầm về nội điển trong các tạng ni... ngoài ra sư Viên Thành cũng còn là một thi nhân, thơ văn chân thật, thâm thúy và thoát tục và đôi bài cũng có tính cách hài hước của một người đã thoát vòng tục lụy:

*Kim điện bất thảng thu
Nguyệt tà trúc hộ lãnh
Chỉ hữu tâm hạ phong
Khiên duy điệu sáu ảnh*

(Điện vàng hiu hắt hơi thu,
Lạnh run cửa trúc mật mù gương nga,
Bên rừng gió thổi la đà
Vén màn thương bóng sao mà xác xơ)

hay là bài

*Xao bĩ tàn chung, hiểu vị nhân
Đẳng sàng phá nạp ủng lô huân
Gia phong bất dụng phiến quân vấn
Mao ốc tam giam, nhất ổ vân*

(Thỉnh trọn hồi chuông sáng vẫn mờ,
Ôm lò nằm sưởi áo gai xơ,
Cửa nhà đâu dám phiến lòng hỏi,
Mây trắng lều tranh phủ mật mờ)

hoặc là bài Lạc Diệp mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã dịch thơ như sau:

*Rì rào cây vắng tiếng đêm qua
Nghe lạnh đôi thông chiếc hạc già
Vu giáp chiều buông mưa lát phát
Động Đình thu gợn sóng bao la
Tùng khô chỉ sót đôi phân lá
Bàng rợp đâu tìm một tán hoa
Lạ nổi đau lòng chi Tống Ngọc
Còn hay mất, hãy mặt trời xa*

Thơ văn của Sư Viên Thành được hợp lại làm thành một tập gọi là **Lược Ước Tùng Sao**, trước khi mất sư Viên Thành đã trao lại tập thơ này cho đệ tử Thích Trí Thủ, 46 năm sau khi sư viên tịch Hòa thượng Thích trí Thủ mới cho ấn hành tập thơ này với công phu biên soạn của ông Nguyễn văn Thoa và phần hiệu đính bình luận, nhuận sắc của các ông Nguyễn hữu Chương, Bửu Cầm và thi sĩ Vũ hoàng Chương

Trong lời tựa Thượng tọa Trí Quang viết:

".. sách nhỏ như cái cầu nhỏ. Nhưng chỉ nhỏ đối với người đi xe ngựa... không thể qua cầu Lược Ước mà vào Trà Am. Dẫu rằng cái cầu ấy chỉ chân không là qua được liền. Vào Trà Am dễ mà khó đến thế đó, huống chi vào Trà Am trong sách "

45 năm sau tôi trở lại thăm Trà Am. Hình ảnh và phong cảnh Trà Am không còn như trong kỷ niệm của mình, rừng bứa ngày xưa chỉ còn lác đác cây, Bây giờ người ta có thể đi thẳng vào chùa bằng xe honda xe hơi, chiếc cầu Lược Ước đã không còn ai nhớ đến nữa. Diễm phúc thay cho ai đã một lần đi chân không qua cầu để vào Trà Am:

"*Ta chỉ đưa người chứ không đưa xe ngựa*" câu nói của vị thiền sư vẫn còn thấp thoáng đâu đây như một ngậm ngùi thiên cổ.

Hồ Đắc Duy

